

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 9
3. Báo cáo kiểm toán	10 - 11
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010	12 - 15
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	16
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	17 - 18
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	19 - 51
8. Phụ lục	52 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con (danh sách công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301116791 (số cũ là 059080) ngày 01 tháng 11 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.000.000.000.000 VND
Số cổ phiếu: 100.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 38 236 236
Fax : (84-8) 38 235 236
E-mail : info@gemadept.com.vn
Mã số thuế : 0 3 0 1 1 1 6 7 9 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	108 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	# 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
- Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
- Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
- Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
- Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
- Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15Cendex Centre, Singapore.	Đại lý hàng hải, khai thác tàu; tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ của Gemadept tại Singapore; huy động vốn cho các dự án về cơ sở hạ tầng hàng hải; Môi giới, giới thiệu nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án hàng hải, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông tại Việt Nam.	100,00%
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	Đại lý hàng hải, tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ của Gemadept tại Malaysia; huy động vốn cho các dự án về cơ sở hạ tầng hàng hải; Môi giới, giới thiệu nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án hàng hải, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông tại Việt Nam.	100,00%
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Khai thác bến bãi container; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ giao nhận, vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa, đại lý vận tải; Mua, bán, cho thuê tàu, container, máy móc, thiết bị hàng hải; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp.	100,00%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	Đầu tư và khai thác cảng biển; kinh doanh vận tải đa phương thức; kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan; thực hiện dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao thông nhận hàng hóa bằng đường biển và hàng không; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường biển, đường bộ; xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng – công nghiệp và công trình giao thông đường bộ. Bổ sung: hoạt động dịch vụ lai dắt, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kê khai hải quan.	73,80%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Kinh doanh vận tải đa phương thức, khai thác bến bãi thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải, giao nhận. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Mua bán cho thuê tàu - container - máy móc - thiết bị hàng hải. Đầu tư xây dựng và khai thác cầu cảng, bến bãi. Đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải thủy biển.	100,00%
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển bao gồm: thu xếp nơi neo đậu cho các tàu cập cảng tại Việt Nam; dịch vụ thông quan cho các tàu ra vào cảng; cung cấp dịch vụ đại lý cho vận tải đường biển bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển hoặc hợp đồng vận chuyển đa phương thức; khai thuê hải quan; chuẩn bị tài liệu liên quan đến chứng từ vận tải (doanh nghiệp không trực tiếp tham gia vận tải hàng hóa và thực hiện các hoạt động thương mại).	51,00%
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Số 1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng bến cảng. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải; dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ môi giới hàng hải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, ven biển và viễn dương; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	70,00%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội.	Số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	Đầu tư và khai thác cảng biển; khai thác vận tải đa phương thức. Đại lý và môi giới hàng hải, hàng không; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	55,00%
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	Làm cảng cạn (ICD), hệ thống kho bãi, kho trung chuyển container, kho hàng lẻ (CFS), đầu mối trung chuyển và hàng chuyển phát nhanh.	51,00%
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Xây dựng hệ thống kho Logistic và kho lạnh theo tiêu chuẩn châu Âu nhằm cung cấp các dịch vụ giao nhận, phân phối, lưu giữ, bảo quản, đóng gói hàng lạnh và hàng bách hóa.	100,00%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	Khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, khu công nghiệp, dân cư, cầu cảng, bến bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường biển, hàng không, đóng mới sửa chữa các phương tiện vận tải thủy, biển.	50,00%

7446

TỶ
M
HỮU
DÁN
/ÁN

C

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức, kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan, thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao nhận hàng hóa bằng đường sông - đường biển - hàng không; mua bán, cho thuê tàu container – máy móc – thiết bị hàng hải.	100,00%
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ; gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Bốc xếp hàng hóa. Dịch vụ đại lý tàu biển.	46,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, bến cảng, nhà các loại. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải. Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Xây dựng bến bãi, công trình công nghiệp. Vận tải hàng hóa. Kho bãi, bốc xếp và lưu giữ hàng hóa.	99,98%
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi). Bốc xếp hàng hóa.	100,00%

Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Kinh doanh nhà ở. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Mua bán thiết bị văn phòng, máy vi tính và phụ kiện, văn phòng phẩm, đồ dùng cá nhân và gia đình (trừ súng, đạn thể thao). Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô và đường thủy theo hợp đồng.	45,00%
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ cho thuê kho cho các nhà xuất khẩu cà phê và hàng nông sản Việt Nam dưới hình thức kho “bảo đảm thanh toán”.	34,00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, nguyên nhiên liệu phi nông nghiệp. Mua bán cá và thủy sản. Mua bán xe có động cơ (cũ và mới). Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ. Mua bán đồ uống. Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống. Dịch vụ kho vận, kho ngoại quan. Dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý tàu biển, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan. Đóng và sửa chữa tàu thuyền. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng.	26,78%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai.	29,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa. Vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyển, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng. Gia công cơ khí các thiết bị điện, các thiết bị dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh cơ sở hạ tầng. Kinh doanh bất động sản, nhà ở. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Dịch vụ khai thuê hải quan.	38,02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	Dịch vụ kho bãi. Dịch vụ kho bãi container. Dịch vụ thông quan. Thực hiện quyền phân phối bán buôn, bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng may mặc, giày da, điện tử.	49,00%
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, Dịch vụ giao nhận hàng hóa được vận tải bằng các phương thức vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không. Dịch vụ môi giới hàng hải và các dịch vụ hỗ trợ cho các hoạt động trên.	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch. Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, kinh doanh vũ trường, phòng hát karaoke, bãi biển, dịch vụ xông hơi, xoa bóp. Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, đồ dùng cá nhân, đồ trang sức. Vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh lữ hành, nội địa, quốc tế.	40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Đại lý kinh doanh xăng dầu. Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa. Hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.	23,00%
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Giao nhận hàng hóa. Đại lý container, vận tải biển. Dịch vụ kho bãi, cầu tàu và các thiết bị chuyên dùng hàng hải khác.	49,00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương. Sản xuất, may, thuê trang phục, quần áo. Đầu tư, kinh doanh, cho thuê văn phòng, trung tâm dịch vụ thương mại, nhà ở. Kinh doanh dịch vụ lưu trú. Đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	Công nghiệp bai, nước giải khát, rượu; bánh, mứt các loại. Chế biến kinh doanh thực phẩm chất lượng cao từ nông sản. Dịch vụ ăn uống, phục vụ hội nghị. Bán buôn, bán lẻ hàng hóa thực phẩm và công nghệ thực phẩm.	26,56%
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Lầu 13 Trung tâm thương mại Sài Gòn, Số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển; giao nhận hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy và đường hàng không; môi giới hàng hải; cho thuê kho bãi và cung cấp dịch vụ quản lý kho; cung cấp dịch vụ hậu cần, giao nhận vận tải, gom hàng, kho vận và vận tải hàng hóa bằng đường bộ để phục vụ cho hoạt động trên.	49,00%
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	Xây dựng, trang bị và vận hành một cảng container trên sông Cái Mép – Thị Vải.	62,5%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ trong Tập đoàn năm nay so với năm trước giảm từ 323 tỷ VND xuống 206,8 tỷ VND chủ yếu là do ảnh hưởng của khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Trong năm, Công ty cổ phần Gemadept đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần của các đợt phát hành này tăng 802 tỷ VND.

Công ty cổ phần Gemadept đã phát hành 396.787 trái phiếu chuyển đổi không nhận lãi suất (tương đương 396.787.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá), thời gian chuyển đổi là 12 tháng kể từ ngày phát hành, giá chuyển đổi cổ phiếu Gemadept là 42.000 VND/cổ phiếu nhằm nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải như sau:

- Phát hành 226.687 trái phiếu để hoán đổi 39.980.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty cổ phần dịch vụ Hòa Bình Xanh.
- Phát hành 170.100 trái phiếu để hoán đổi 30.000.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty TNHH Sông Hằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Thực hiện theo Thư cam kết tăng vốn cổ phần ký kết ngày 26 tháng 6 năm 2010, Công ty cổ phần Gemadept đã mua 40.200.000 cổ phiếu mới, tương ứng USD 25,000,000 của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link. Hiện tại, Công ty cổ phần Gemadept đang ghi nhận khoản đầu tư này ở chỉ tiêu Đầu tư tài chính ngắn hạn theo Biên bản họp số 154/2010/BB-HĐQT ngày 20 tháng 9 năm 2010 để có quyết định dứt khoát về khoản đầu tư này có lợi nhất cho cổ đông và tập đoàn trong vòng 12 tháng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 12 đến trang 51).

Trong năm, Công ty cổ phần Gemadept đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	10.354.491.642 VND
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.354.491.642 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.567.186.626 VND
Cộng:	37.276.169.910 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Gemadept trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Quảng	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

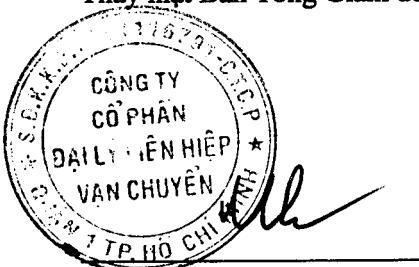
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Gemadept đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2011

11



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0519/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT VÀ CÁC CÔNG TY CON

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 4 năm 2011, từ trang 12 đến trang 51 kèm theo.

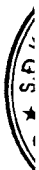
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2011

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.249.134.755.209	1.048.283.913.384
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	546.776.463.318	224.033.300.557
1. Tiền	111		340.315.646.953	217.117.165.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		206.460.816.365	6.916.135.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		829.571.056.916	221.012.750.502
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	924.803.198.712	259.066.796.505
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(95.232.141.796)	(38.054.046.003)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		630.151.872.814	416.737.234.661
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	305.874.538.833	248.354.055.765
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	170.624.562.709	35.025.232.547
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	155.484.696.989	134.187.005.671
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.831.925.717)	(829.059.322)
IV. Hàng tồn kho	140		62.630.234.723	55.433.423.885
1. Hàng tồn kho	141	V.7	62.630.234.723	55.433.423.885
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		180.005.127.439	131.067.203.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	14.802.582.694	8.097.730.366
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.586.001.544	14.087.340.957
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	26.379.380.486	14.071.758.302
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	131.237.162.715	94.810.374.154

474

IG

HỆN

TOA

S V

P HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.293.873.876.792	3.462.972.154.801
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	24.800.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	24.800.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.006.318.858.665	1.784.574.193.555
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.875.230.345.428	1.520.795.042.762
Nguyên giá	222		2.647.058.508.445	2.123.328.655.828
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(771.828.163.017)	(602.533.613.066)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	7.266.838.830	11.231.556.573
Nguyên giá	225		23.890.768.666	23.890.768.666
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.623.929.836)	(12.659.212.093)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	46.871.871.305	29.037.482.935
Nguyên giá	228		50.952.780.398	30.766.411.094
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.080.909.093)	(1.728.928.159)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	76.949.803.102	223.510.111.285
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	251.094.268.173	262.211.533.407
Nguyên giá	241		279.448.439.795	278.948.439.795
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(28.354.171.622)	(16.736.906.388)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.654.484.902.143	1.327.741.995.824
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	500.000.000	6.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	955.105.692.876	919.302.836.598
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	738.677.844.885	427.793.871.494
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(39.798.635.618)	(25.954.712.267)
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.729.499.059	14.561.803.097
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	13.358.634.675	9.690.283.960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	3.112.889.494	1.812.032.647
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	1.257.974.890	3.059.486.490
VI. Lợi thế thương mại	269	V.24	327.246.348.752	49.082.628.918
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.543.008.632.001	4.511.256.068.186

B-C.T.T.
Y
HẠN
VÀ
N
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.398.409.582.872	1.850.166.788.213
I. Nợ ngắn hạn	310		1.026.562.513.821	801.783.344.350
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.25	468.094.311.454	365.608.704.705
2. Phải trả người bán	312	V.26	186.849.714.448	252.770.951.167
3. Người mua trả tiền trước	313	V.27	11.054.170.252	11.988.137.961
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.28	15.522.053.389	19.032.658.009
5. Phải trả người lao động	315	V.29	25.187.984.086	24.019.541.148
6. Chi phí phải trả	316	V.30	43.216.453.384	45.212.393.716
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.31	264.096.996.656	80.676.763.323
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	1.791.259.517
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	12.540.830.151	682.934.804
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.371.847.069.051	1.048.383.443.863
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.33	22.966.486.450	24.531.675.907
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.34	1.057.458.920.308	720.181.812.014
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.35	20.769.883.430	18.090.897.343
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		621.554.400	1.599.058.599
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.36	270.030.224.463	283.980.000.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.972.823.847.570	2.470.626.397.025
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.972.823.847.570	2.470.626.397.025
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.37	1.000.000.000.000	475.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.37	2.169.160.586.400	1.366.907.462.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.37	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.37	22.534.947.016	4.714.185.443
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.37	4.511.710.559	984.338.786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.37	23.765.156.863	13.902.834.614
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.37	21.604.112.437	10.296.600.315
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.37	659.449.558.394	527.023.199.565
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.38	171.775.201.558	190.462.882.947
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.543.008.632.001	4.511.256.068.185

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

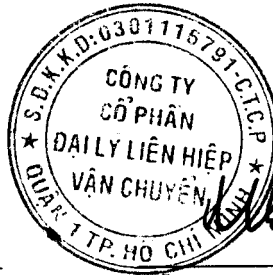
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.667.159,42	3.152.610,73
Euro (EUR)		31.597,00	125.862,89
Dollar Singapore (SGD)		189.064,42	892.486,27
Ringit (MYR)		731.929,99	1.239.392,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

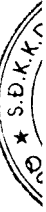
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2011

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

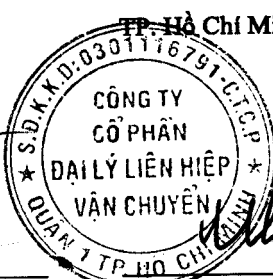
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	2.148.850.890.455	1.774.449.482.248
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	1.542.235.197	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	2.147.308.655.258	1.774.449.482.248
4.	Giá vốn hàng bán	11	VL2	1.755.390.857.506	1.518.580.655.393
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		391.917.797.752	255.868.826.855
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	182.209.239.335	203.781.981.521
7.	Chi phí tài chính	22	VL4	276.480.560.462	1.819.169.379
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		135.975.850.898	60.729.058.036
8.	Chi phí bán hàng	24	VL5	10.141.282.670	5.427.668.893
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	169.222.431.390	112.392.626.346
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		118.282.762.565	340.011.343.758
11.	Thu nhập khác	31	VL7	106.330.817.742	12.728.336.447
12.	Chi phí khác	32	VL8	15.098.083.856	13.305.034.295
13.	Lợi nhuận khác	40		91.232.733.886	(576.697.848)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	V.18	23.599.063.138	20.965.304.853
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		233.114.559.589	360.399.950.762
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		19.071.451.372	25.143.364.665
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL9	(3.625.483.452)	1.332.589.394
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>217.668.591.668</u>	<u>333.923.996.703</u>
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		10.804.601.021	10.838.163.426
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		206.863.990.648	323.085.833.277
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	<u>3.324</u>	<u>6.802</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2011

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2010

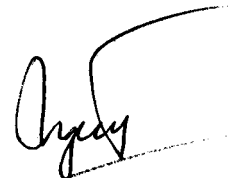
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		233.114.559.589	360.399.950.762
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12;V.13;V.14;V.16	195.100.392.540	169.973.354.409
- Các khoản dự phòng	03		72.024.885.539	(208.789.470.924)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3;VI.4	(36.272.132.977)	(20.986.356.618)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.4;VI.7;VI.8	(132.593.651.489)	(16.558.782.633)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	135.975.850.898	60.165.465.112
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		467.349.904.101	344.204.160.108
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(102.512.516.501)	(8.764.254.431)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.196.810.837)	20.452.814.954
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		148.897.919.346	(23.079.111.892)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.985.421.088)	19.422.864.982
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4;VII	(143.494.246.962)	(61.301.240.520)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(26.852.351.561)	(1.904.700.475)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		191.993.936.417	160.439.726.199
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(324.343.473.107)	(148.110.760.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		195.856.939.808	301.359.498.146
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(168.217.821.785)	(241.868.278.610)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		16.704.227.766	6.485.019.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(278.786.391.123)	28.591.493.119
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.866.626.298	856.090.386
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(857.589.075.759)	(802.467.817.023)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		21.913.512.142	538.341.776.457
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.635.025.693	124.392.138.239
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.162.473.896.768)	(345.669.577.830)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		1.365.730.512.294	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.236.921.442.218	677.654.855.422
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.328.154.828.052)	(558.307.245.134)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(5.999.703.133)	(5.684.018.216)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.37	(10.345.095.719)	(82.612.796.900)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.258.152.327.608	31.050.795.172
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		291.535.370.648	(13.259.284.512)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	224.033.300.557	200.964.237.593
			29.043.490.246	30.244.121.011
Điều chỉnh tiền và tương đương tiền đầu năm của các công ty hợp nhất lần đầu và loại khỏi hợp nhất năm nay				
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.164.301.867	6.084.226.464
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	546.776.463.318	224.033.300.557

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2011


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

8-C.1.
Y
U HẠN
VÀ
N
CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.
4. **Tổng số các công ty con** : 16
Trong đó:
 - Số lượng các công ty con được hợp nhất : 15
 - Số lượng các công ty con không được hợp nhất : 01



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	73,80 %	73,80 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00 %	70,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	55,00 %	55,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadept	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50,00 %	50,00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tôn, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ^(*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00 %	52,00 %
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa ^(**)	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	5,00 %	55,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98 %	99,98 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 52%.

(**) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần Sư Tử Chúa do Công ty đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp là 55%.

6. Các công ty con không được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Công ty mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 02 tháng 12 năm 2010

7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	34,00%	34,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	29,00%	29,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,02%	38,02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	23,00%	23,00%
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Lầu 13 Trung tâm thương mại Sài Gòn, Số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	62,5%	62,5%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 62,5%. Tuy nhiên, Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua, do đó Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link vẫn được xem là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

9. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tập đoàn có 1.309 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 1.361 nhân viên).

10. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ trong Tập đoàn năm nay so với năm trước giảm từ 323 tỷ VND xuống 206,8 tỷ VND chủ yếu là do ảnh hưởng của khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Trong năm, Công ty cổ phần Gemadept đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần của các đợt phát hành này tăng 802 tỷ VND.

Công ty cổ phần Gemadept đã phát hành 396.787 trái phiếu chuyển đổi không nhận lãi suất (tương đương 396.787.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá), thời gian chuyển đổi là 12 tháng kể từ ngày phát hành, giá chuyển đổi cổ phiếu Gemadept là 42.000 VND/cổ phiếu nhằm nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải như sau:

- Phát hành 226.687 trái phiếu để hoán đổi 39.980.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty cổ phần dịch vụ Hòa Bình Xanh.
- Phát hành 170.100 trái phiếu để hoán đổi 30.000.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty TNHH Sông Hằng.

Thực hiện theo Thư cam kết tăng vốn cổ phần ký kết ngày 26 tháng 6 năm 2010, Công ty cổ phần Gemadept đã mua 40.200.000 cổ phiếu mới, tương ứng USD 25,000,000 của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link. Hiện tại, Công ty cổ phần Gemadept đang ghi nhận khoản đầu tư này ở chỉ tiêu Đầu tư tài chính ngắn hạn theo Biên bản họp số 154/2010/BB-HĐQT ngày 20 tháng 9 năm 2010 để có quyết định dứt khoát về khoản đầu tư này có lợi nhất cho cổ đông và tập đoàn trong vòng 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

8-C
Y
TU HAI
VÀ
N
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CHÍNH SÁCH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

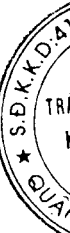
10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.10.

12. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.10.

204

CÔNG
H. NH
TỔNG
TƯ

TP

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 02 năm theo phương pháp đường thẳng.

Các chi phí khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ từ 02 đến 03 năm.

448-

TỶ
HỮU
QUẢN
VĂN

HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

19. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01 - 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

20. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

21. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

22. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009: 17.941 VND/USD
: 12.774 VND/SGD
: 5.236 VND/RM
31/12/2010: 18.932 VND/USD
: 14.729 VND/SGD
: 6.136 VND/RM

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.12.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

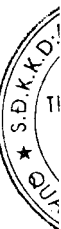
Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	25.576.340.628	18.270.070.483
Tiền gửi ngân hàng	314.677.253.425	197.112.978.352
Tiền đang chuyển	62.052.900	1.734.116.722
Các khoản tương đương tiền (*)	206.460.816.365	6.916.135.000
Cộng	546.776.463.318	224.033.300.557

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	821.487.492.096	227.386.136.211
- Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định	12.486.863.545	10.821.993.875
- Công ty cổ phần Tập Đoàn khoáng sản Hamico	20.012.317.380	12.889.011.380
- Công ty cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	10.527.958.407	12.632.743.877
- Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	4.946.919.190
- Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	12.845.983.260	-
- Công ty chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (*)	16.000.000.000	-
- Công ty cổ phần nhựa Rạng Đông	16.300.679.471	9.275.378.908
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	15.293.497.100	19.451.688.390
- Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	19.800.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt (**)	94.971.030.000	-
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	487.500.000.000	-
- Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	58.950.000.000	58.950.000.000
- Các công ty khác	42.564.841.833	98.418.400.591
Đầu tư ngắn hạn khác	103.315.706.616	31.680.660.294
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống (**)	28.315.706.616	31.680.660.294
- Cho Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà vay với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng HSCB + 0,5%/năm	75.000.000.000	-
Cộng	924.803.198.712	259.066.796.505

(*) Cổ phiếu tạm thời không được phép chuyển nhượng.

(**) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt là 20.826.000.000 VND được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu tăng là do trong năm Công ty mua, nhận cổ phiếu thưởng và trình bày từ đầu tư tài chính dài hạn sang đầu tư tài chính ngắn hạn.
- Cổ phiếu giảm là do trong năm Công ty bán cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	38.054.046.003
Trích lập dự phòng bổ sung	57.178.095.793
Số cuối năm	95.232.141.796

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	150.093.327.439	132.430.479.462
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	859.353.114	889.624.090
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	874.088.870	88.432.244
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	14.618.872.736	10.447.898.692
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	27.348.733.555	32.078.899.110
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	54.864.927.694	31.752.645.526
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	28.957.571.695	18.985.217.968
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	751.901.096	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	17.925.043.637	17.703.983.278
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	312.592.952	3.976.875.395
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	9.268.126.045	-
Cộng	305.874.538.833	248.354.055.765

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	52.909.632.074	4.964.760.644
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	18.254.313.611	17.284.847.303
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	144.129.856	149.106.831
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	3.288.200.000	-
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	4.076.932.447	4.204.616.803
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	1.458.148.980	1.251.080.400
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	2.314.947.576	-
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	7.404.762.026	6.991.721.555
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	78.979.965	179.099.011
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	76.168.384.160	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	4.526.132.014	-
Cộng	170.624.562.709	35.025.232.547

17446

IG TY
HỆM HỮ
TOÁN
VẤ

HO

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	16.615.645.192	35.353.277.127
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	87.088.579.745	47.387.246.409
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	9.260.618.700	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	6.352.364.089	3.540.000
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.500.000.000	3.968.000.000
Các khoản phải thu khác	32.667.489.263	47.474.942.135
Cộng	155.484.696.989	134.187.005.671

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.447.491.332	18.290.446.692
Nhiên liệu tồn trên tàu	31.494.976.403	27.856.801.618
Công cụ dụng cụ	15.317.083.717	227.640.990
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.305.852.714	8.958.243.840
Hàng hóa	64.830.557	100.290.745
Cộng	62.630.234.723	55.433.423.885

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	5.670.771.337	1.541.527.749
Công cụ, dụng cụ	759.808.603	532.922.082
Chi phí bảo hiểm	2.115.160.613	-
Các chi phí khác	6.256.842.141	6.023.280.535
Cộng	14.802.582.694	8.097.730.366

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nộp thừa	5.947.705.338	4.063.165.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	20.369.528.875	9.882.193.686
- Tại Công ty cổ phần Gemadept	9.851.020.124	-
- Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	1.164.504	3.616.874
- Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	398.840.000	-
- Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	239.927.435	-
- Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	9.878.576.812	9.878.576.812
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	62.146.273	123.399.613
- Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	-	228.000
- Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	57.844.425	-
- Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	4.301.848	-
- Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	-	123.171.613
Các loại thuế khác	-	3.000.000
Cộng	26.379.380.486	14.071.758.302

C.T.T.N.
HẠN
VÀ
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	29.036.474.367	25.210.199.052
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	102.200.688.348	69.600.175.102
Cộng	131.237.162.715	94.810.374.154

11. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ	-	5.800.000.000
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	-
Cộng	37.000.000.000	24.800.000.000

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm trang 52.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được xác định.
- Giá trị quyền sử dụng đất thuê của lô đất tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Gemadept đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ.

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	23.890.768.666	12.659.212.093	11.231.556.573
Tăng trong năm	-	3.964.717.743	-
Số cuối năm	23.890.768.666	16.623.929.836	7.266.838.830

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	20.495.188.865	10.271.222.229	30.766.411.094
Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cảng Nam Hải	22.500.000.000	736.300.000	23.236.300.000
Mua trong năm	-	301.799.304	301.799.304
Thanh lý, nhượng bán	(3.351.730.000)	-	(3.351.730.000)
Số cuối năm	39.643.458.865	11.309.321.533	50.952.780.398

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.728.928.159	1.728.928.159
Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cảng Nam Hải	467.937.608	66.724.075	534.661.683
Khấu hao trong năm	467.937.608	1.349.381.643	1.817.319.251
Số cuối năm	935.875.216	3.145.033.877	4.080.909.093
			-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.495.188.865	8.542.294.070	29.037.482.935
Số cuối năm	38.707.583.649	8.164.287.656	46.871.871.305
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm trang 53 và 54.

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	278.948.439.795	16.736.906.388	262.211.533.407
Tăng trong năm	500.000.000	11.617.265.234	
Số cuối năm	279.448.439.795	28.354.171.622	251.094.268.173

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	111.727.417.634	122.358.314.923
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	34.327.579.765	35.318.915.368
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

17. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên vận tải Thái Bình Dương.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45,00%	42.761.600.000	45,00%	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26,78%	9.642.000.000	26,78%	9.642.000.000
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	34,00%	1.534.080.000	34,00%	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất nước khoáng	29,00%	32.206.940.000	29,00%	32.206.940.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Dịch vụ khai thác cảng	-	-	30,00%	27.596.000.000
Công ty cổ phần du Lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40,00%	18.264.608.143	40,00%	17.349.092.327
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38,02%	23.236.200.000	38,02%	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Dịch vụ kho bãi	49,00%	11.882.010.000	49,00%	11.882.010.000
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49,00%	2.371.845.000	49,00%	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải	23,00%	86.250.000.000	23,00%	57.800.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25,00%	29.375.000.000	25,00%	29.375.000.000
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	49,00%	2.319.909.000	49,00%	2.319.909.000
Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept – LCL	Dịch vụ kho lạnh	-	-	35,52%	2.781.857.430
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26,56%	49.825.280.000	-	-
Công ty OOCL Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49,00%	17.913.906.635	49,00%	17.913.906.635
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept– Terminal Link	Dịch vụ khai thác cảng	62,50%	612.052.327.921	50,00%	612.052.327.921
Khoản lãi của công ty liên kết khi hợp nhất			15.469.986.177		28.480.068.285
Cộng			<u>955.105.692.876</u>		<u>919.302.836.598</u>

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	348.317.970.000
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.490.628.000	31.490.628.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	165.581.032.000
Các công ty khác	6.303.009.600	151.246.310.000
Đầu tư trái phiếu (trái phiếu thủy lợi)	-	10.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	373.703.175.285	79.465.901.494
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	12.635.901.494	12.635.901.494
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	190.950.000.000	-
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	-

1026
CÔ
LÁCH M
KIỂM
TL
V / T

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự án cao ốc tại Lào	17.267.090.636	-
- Dự án trồng cao su tại Campuchia	45.198.183.155	-
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Mặt trời Đông Dương	36.000.000.000	36.000.000.000
- Các công ty khác	39.152.000.000	30.830.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	161.600.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hoa Việt, kỳ hạn 13 tháng (*)	23.100.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam, kỳ hạn 13 tháng	138.500.000.000	-
Cộng	<u>738.677.844.885</u>	<u>427.793.871.494</u>

(*) Trong đó, khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tăng là do trong năm Công ty mua cổ phiếu, nhận cổ phiếu thưởng và đầu tư góp vốn.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác giảm là do trong năm bán, chuyển sang đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, đầu tư vào công ty liên kết.

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	73.769.712	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	36.792.330.200	20.260.415.500
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	2.932.535.706	5.694.296.767
Cộng	<u>39.798.635.618</u>	<u>25.954.712.267</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	25.954.712.267
Trích lập dự phòng bổ sung	13.843.923.351
Số cuối năm	<u>39.798.635.618</u>

21. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi thuê tài chính	90.636.293	416.927.012
Chi phí công cụ, dụng cụ	555.868.574	712.865.246
Chi phí sửa chữa tàu	8.832.114.060	-
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	2.673.618.182	354.313.667
Chi phí thành lập	42.895.299	300.279.723
Chi phí thiết kế	-	6.935.544.242
Các chi phí khác	1.163.502.267	970.354.070
Cộng	<u>13.358.634.675</u>	<u>9.690.283.960</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	1.812.032.647
Hoàn nhập trong năm	(1.692.902.811)
Phát sinh trong năm	2.993.759.658
Số cuối năm	3.112.889.493

23. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	230.127.770	1.873.321.490
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	757.280.000	1.166.165.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	270.567.120	20.000.000
Cộng	1.257.974.890	3.059.486.490

24. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng Quốc Tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần (giá định giá trị hợp lý của tài sản thuần bằng giá trị ghi sổ kế toán).

Nguyên giá	
Số đầu năm	49.082.628.918
Tăng do hợp nhất kinh doanh	284.848.883.282
Số cuối năm	333.931.512.200

Số đã phân bổ

Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	6.685.163.448
Số cuối năm	6.685.163.448

Giá trị còn lại

Số đầu năm	49.082.628.918
Số cuối năm	327.246.348.752

25. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	320.247.600.198	204.618.868.697
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	90.056.125.445	54.540.675.162
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	5.000.000.000	7.000.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	52.790.585.811	99.449.160.846
Cộng	468.094.311.454	365.608.704.705

26. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	106.668.776.008	109.922.674.570
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	-	14.947.534.422
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	7.424.602.952	14.315.517.216
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	15.118.229.608	18.932.572.438

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

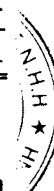
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	348.972.183	3.111.705.110
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	33.924.665.024	52.442.197.516
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	47.230.973	-
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	9.352.620.798	1.366.210.170
Tại Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	16.079.496	-
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	-	136.999.210
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	-	337.697.664
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	6.083.212.124	27.948.304.585
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	1.721.846.404	9.309.538.266
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	6.143.478.878	-
Cộng	<u>186.849.714.448</u>	<u>252.770.951.167</u>

27. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	4.540.635.640	10.140.272.792
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	6.855.088
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	1.395.050	-
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	797.896.955	-
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	773.954.445	388.612.925
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	-	996.617.600
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	3.032.738	455.779.556
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	4.937.255.424	-
Cộng	<u>11.054.170.252</u>	<u>11.988.137.961</u>

28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.416.586.484	5.179.109.523
Thuế xuất, nhập khẩu	539.957	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.872.943.060	10.038.145.129
Thuế thu nhập cá nhân	1.024.329.976	898.377.419
Các loại thuế khác	1.207.653.912	2.917.025.938
Cộng	<u>15.522.053.389</u>	<u>19.032.658.009</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,.. còn phải trả cho công nhân viên.

30. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	9.225.396.294	2.542.377.117
Chi phí luân chuyển hàng hoá	6.076.340.407	19.108.007.536
Chi phí thuê tài sản	2.229.236.364	-
Cước lai đất	8.570.605.910	5.656.772.154
Chi phí sửa chữa	5.228.862.727	514.406.429
Chi phí khác	11.886.011.682	17.390.830.480
Cộng	43.216.453.384	45.212.393.716

31. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

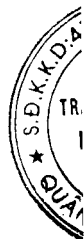
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.525.423.098	2.818.940.562
Bảo hiểm xã hội	1.573.690.211	2.097.788.344
Bảo hiểm y tế	18.659.311	51.906.000
Bảo hiểm thất nghiệp	560.780	687.145.594
Cổ tức phải trả	65.246.600	1.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược	9.499.581.440	6.081.043.999
Doanh thu chưa thực hiện	2.785.397.979	5.389.641.693
Tài sản thừa chờ xử lý	2.138.859.881	1.566.810.678
Các khoản phải trả khác	246.489.577.356	60.918.239.853
- Các khoản thu hộ phải trả	50.614.560.338	21.899.122.827
- Tiền bán hàng cảng biển phải trả ngân sách	1.716.241.909	1.716.241.909
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link - tiền mượn	160.000.000.000	
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp tác	12.429.549.379	8.288.438.212
- Các khoản phải trả khác	21.729.225.730	29.014.436.905
Cộng	264.096.996.656	80.676.763.323

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	682.934.804
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	25.685.180.415
Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cảng Nam Hải	1.532.451.879
Tăng khác	256.180.667
Chi quỹ	(15.615.917.614)
Số cuối năm	12.540.830.151

33. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	22.941.117.275	24.531.675.907
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	25.369.175	-
Cộng	22.966.486.450	24.531.675.907



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

34. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	481.784.045.000	206.672.301.747
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	244.371.077.808	292.438.477.692
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	234.475.725.982	221.071.032.575
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	19.601.339.345	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	77.226.732.173	-
Cộng	1.057.458.920.308	720.181.812.014

35. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	18.090.897.343
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.356.377.514
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh tăng do hợp nhất kinh doanh	1.322.608.573
Số cuối năm	20.769.883.430

36. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	269.167.286.868	283.980.000.000
Doanh thu chưa thực hiện khác	862.937.595	-
Cộng	270.030.224.463	283.980.000.000

37. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 03 đính kèm trang 55.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	3.660.030.189
Tạm ứng cổ tức	6.685.065.530
Cộng	10.345.095.719

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

020
CÔNG
HẠCH NH
KIỂM
TU
1 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ	(7.611.697.845)	(333.077.775)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các cơ sở ở nước ngoài	30.146.644.861	5.047.263.218
Cộng	22.534.947.016	4.714.185.443

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

38. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	190.462.882.947
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	10.804.601.021
Tăng do hợp nhất kinh doanh	21.504.627.111
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(13.819.566.103)
Giảm do tăng tỷ lệ đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải	(36.101.182.212)
Giảm khác	(1.076.161.205)
Số cuối năm	171.775.201.558

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.147.308.655.258	1.774.449.482.248
- Doanh thu dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, khai thác cảng, sửa chữa, khác, ...	1.948.140.262.531	1.588.686.646.191
- Doanh thu hoạt động đại lý, giao nhận	87.921.392.108	63.404.521.134
- Doanh thu cho thuê văn phòng	112.789.235.816	122.358.314.922
Các khoản giảm trừ (giảm giá hàng bán)	(1.542.235.197)	-
Cộng	2.147.308.655.258	1.774.449.482.248

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, khai thác cảng, khác,...	1.657.623.817.127	1.470.850.077.898
Giá vốn dịch vụ đại lý, giao nhận	63.439.460.614	12.411.662.127
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	34.327.579.765	35.318.915.368
Cộng	<u>1.755.390.857.506</u>	<u>1.518.580.655.393</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi đầu tư chứng khoán	19.141.358.548	69.501.943.392
Lãi trái phiếu, ký quỹ ngân hàng	1.082.721.754	848.541.767
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.631.907.392	3.639.741.676
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	23.526.574.928	876.287.655
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.711.451.147	56.962.870.249
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.456.876.511	22.910.073.616
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.280.808.036	48.690.254.388
Doanh thu hoạt động tài chính khác	377.541.019	352.268.778
Cộng	<u>182.209.239.335</u>	<u>203.781.981.521</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	128.903.342.143	60.165.465.112
Chi phí lãi thuê tài chính	326.290.641	563.592.924
Lãi repo chứng khoán	6.746.218.114	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.184.743.535	1.923.716.998
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.477.416.458	34.894.152.672
Lỗ đầu tư chứng khoán	14.873.529.429	111.714.733.271
Lỗ góp vốn liên doanh	868.345.288	-
Lỗ từ bán trái phiếu ngắn hạn	-	377.449.925
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	71.022.019.143	(208.372.913.847)
Chi phí tài chính khác	78.655.711	552.972.324
Cộng	<u>276.480.560.462</u>	<u>1.819.169.379</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	609.355.938	456.158.233
Chi phí vật liệu	82.765.878	120.710.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	463.624.170	309.216.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.835.823.737	803.462.213
Chi phí khác	2.149.712.947	3.738.121.440
Cộng	<u>10.141.282.670</u>	<u>5.427.668.893</u>

18-C.
Y
ƯU H
V VÀ
N
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	76.468.993.040	51.966.105.491
Chi phí vật liệu	875.719.407	776.629.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.490.679.682	11.444.603.649
Phân bổ lợi thế thương mại	6.685.163.448	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.555.762.916	25.527.386.907
Chi phí khác	30.146.112.897	22.677.900.978
Cộng	169.222.431.390	112.392.626.346

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	76.787.047.255	6.485.019.602
Doanh thu chưa thực hiện phân bổ (*)	14.812.713.132	-
Thu do vi phạm hợp đồng, bồi thường	6.661.291.091	972.975.286
Thu nhập khác	8.069.766.264	5.270.341.559
Cộng	106.330.817.742	12.728.336.447

(*) Doanh thu chưa thực hiện do đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND. Trong năm, Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong năm tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất 48 năm và 10 tháng với số tiền là 14.812.713.132 VND.

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	8.766.077.858	5.500.976.184
Chi phí bổ sung của dự án Cái Mép đã góp vốn năm 2008 vào Công ty cổ phần Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	-	2.284.509.221
Thuế phải nộp bổ sung theo quyết toán	186.457.939	1.521.937.036
Chi phí bồi thường lô hàng	1.558.001.216	1.022.967.366
Chi phí khác	4.587.546.843	2.974.644.488
Cộng	15.098.083.856	13.305.034.295

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	583.384.032	2.908.010.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.692.902.811	25.969.686
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.993.759.658)	(1.601.390.929)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.908.010.637)	-
Cộng	(3.625.483.452)	1.332.589.394

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	206.863.990.648	323.085.833.277
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	206.863.990.648	323.085.833.277
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	62.227.879	47.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.324	6.802

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	47.500.000	47.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành 6 tháng đầu năm 2010	644.399	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành 6 tháng cuối năm 2010	14.083.480	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	62.227.879	47.500.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	498.411.448.880	329.862.534.546
Chi phí nhân công	215.883.415.045	175.708.509.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	196.868.944.844	167.167.892.099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	956.610.611.379	840.391.637.589
Chi phí khác	63.696.154.747	85.166.662.038
Cộng	1.931.470.574.894	1.598.297.235.705

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Các giao dịch không bằng tiền**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay chưa trả	9.225.396.294	2.542.377.117
Góp vốn vào Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept bằng công nợ phải trả	1.273.160.900	19.207.246.558
Chuyển nợ phải thu Công ty cổ phần Đại Dương thành vốn góp vào Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	3.800.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia bằng cần trừ vào khoản góp vốn đầu tư Công ty cổ phần vận tải du lịch Trường Thọ	6.200.000.000	-
Tăng đầu tư Công ty cổ phần cảng Nam Hải bằng phát hành trái phiếu chuyển đổi	396.787.000.000	-
Lãi trái phiếu, cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia chưa thu	15.612.982.789	3.540.000
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	1.199.352.740	8.300.138.569
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	60.082.819.489	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Gemadept – Công ty mẹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.215.860.488	2.107.315.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thuế thu nhập cá nhân	547.980.512	331.816.241
Phụ cấp	603.529.416	540.000.000
Cộng	3.367.370.416	2.979.132.114

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hào	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Sinokor Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Công ty liên doanh đồng kiểm soát

1020
CÔ
ÁCH NI
KIỂM
TL
17

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH OOCL Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	177.230.409	-
Chi phí dịch vụ	1.162.492.119	254.612.007
Thu hộ	-	7.163.040.708
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Phải trả tiền góp vốn vào Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept - LCL	-	1.514.340.000
Thu tiền phí dịch vụ	1.085.271.280	507.841.188
Mua dịch vụ	1.207.143.856	646.754.169
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo		
Góp vốn đầu tư	-	6.849.440.000
Chi phí khác	12.060.000	-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Góp vốn đầu tư	915.515.816	3.234.484.184
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Góp vốn hợp tác kinh doanh	-	1.800.000.000
Doanh thu dịch vụ	134.600.165	94.727.309
Cung cấp dịch vụ	20.374.406	283.009.134
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	8.713.466.330	51.043.986.362
Chi phí dịch vụ	1.342.272.365	1.012.372.775
Thu hộ	4.584.656.468	-
Chi hộ	-	7.465.173.092
Thuế cước hoàn lại phải trả	-	5.586.464.876
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	28.450.000.000	39.200.000.000
Chi phí dịch vụ	267.500.195	-
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông		
Góp vốn đầu tư	-	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	41.997.727	2.684.214.616
Cung cấp dịch vụ	2.008.083.524	307.087.767
Chi hộ	-	46.878.002
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link		
Góp vốn đầu tư	190.950.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH OOCL Việt Nam		
Phải thu khách hàng	392.583.750	659.414.660
Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	-	300.000.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải thu khác	1.300.000.000	1.800.000.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	6.014.048.883	4.621.590.707

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	358.397.527	1.599.741.509
Phải thu khác	-	3.229.380
Cộng nợ phải thu	8.065.030.160	8.983.976.256
Công ty OOCL Việt Nam		
Phải trả phí dịch vụ	-	8.040.990
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine		
Phải trả khác	-	5.586.464.876
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Các khoản phải trả khác	1.703.880.000	1.514.340.000
Công nợ phải trả	141.037.455	
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải trả người bán	7.555.141	112.620.554
Cộng nợ phải trả	1.852.472.596	7.221.466.420

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	14.201.415.241	24.337.889.990
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-	-
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	14.201.415.241	24.337.889.990
Tỷ lệ vốn hóa	9,92%	28,80%

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty trong Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác cảng: Bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác cảng.
- Lĩnh vực vận tải: Bao gồm dịch vụ vận tải và cho thuê phương tiện vận tải
- Dịch vụ đại lý: Bao gồm dịch vụ đại lý, logistics
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Công ty cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ khai thác cảng	Lĩnh vực vận tải	Lĩnh vực dịch vụ đại lý	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	476.964.352.252	843.091.670.637	87.135.120.262	111.727.417.634	1.518.918.560.785
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	201.602.718.616	426.001.104.011	786.271.846	-	628.390.094.473
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	678.567.070.868	1.269.092.774.648	87.921.392.108	111.727.417.634	2.147.308.655.258
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	170.500.208.153	119.535.820.235	24.481.931.495	77.399.837.869	391.917.797.752
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(179.363.714.060)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					212.554.083.693
Doanh thu hoạt động tài chính					182.209.239.335
Chi phí tài chính					(276.480.560.462)
Thu nhập khác					106.330.817.742
Chi phí khác					(15.098.083.856)
Lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					23.599.063.138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(19.071.451.372)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.625.483.452
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					217.668.591.668
 Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	93.581.441.409	192.435.323.042	372.927.984	527.107.272	286.916.799.707
 Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	62.553.214.549	312.118.080.489	2.740.677.559	19.105.549.541	396.517.522.138
 Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ khai thác cảng	Lĩnh vực vận tải	Lĩnh vực dịch vụ đại lý	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	603.794.440.369	1.526.237.433.696	71.420.947.244	259.962.687.513	2.461.415.508.822
Tài sản phân bổ cho bộ phận	536.462.762.865	404.998.604.566	231.976.140.739	757.449.435	1.174.194.957.605
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					2.907.398.165.575
Tổng tài sản					6.543.008.632.001
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	101.977.394.752	553.503.231.621	56.033.988.505	-	711.514.614.878
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	243.551.318.355	28.732.780.507	5.304.770.555	-	277.588.869.418
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.409.306.098.577
Tổng nợ phải trả					2.398.409.582.872

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Trong nước	1.089.503.975.037
Nước ngoài	1.057.804.680.221
Cộng	2.147.308.655.258

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	Tài sản bộ phận
Trong nước	136.856.669.451	5.711.136.085.428
Nước ngoài	150.060.130.256	831.872.546.573
Cộng	286.916.799.707	6.543.008.632.001

4. Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm, Công ty phân loại trình bày một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán. Ảnh hưởng của việc thay đổi này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác	135	158.987.005.671	(24.800.000.000)	134.187.005.671
Phải thu dài hạn khác	218	-	24.800.000.000	24.800.000.000
Phải trả dài hạn khác	333	308.511.675.907	(283.980.000.000)	24.531.675.907
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	283.980.000.000	283.980.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

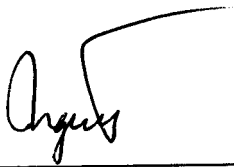
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

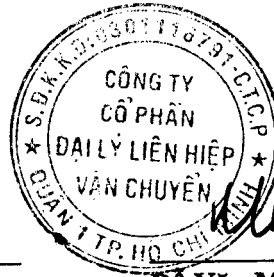
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2011



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



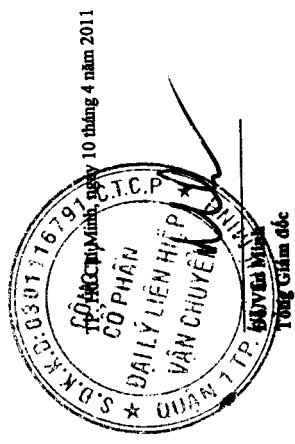
Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

K. D. 41
TRÁI
KI
QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
 Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Phụ lục 1: Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguồn gốc	212.348.517.408	140.089.519.215	1.715.494.488.723	17.528.405.443	37.867.725.039	2.123.328.655.828
Số đầu năm	237.339.015.248	175.343.184.843	1.48.510.605.176	5.128.578.905	2.700.059.483	569.021.443.655
Tăng trong năm	-	-	977.731.911	36.463.636	-	1.014.195.547
Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cùng quốc tế Gemadept Nham Hoi	83.486.008.621	49.127.000.562	4.086.040.773	330.896.413	1.036.363.092	138.066.309.461
Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cùng Nam Hải	1.490.009.375	56.178.881.051	61.521.719.810	4.068.343.646	1.358.797.187	124.617.751.069
Mua sắm mới	-	22.745.651.776	(22.745.651.776)	-	-	-
Phân loại lại tài sản	152.362.997.252	43.313.826.183	10.288.224.425	69.581.622	-	206.034.629.482
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.977.825.271	25.308.158	623.293.588	304.899.204	99.263.249.938
Tăng do chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	(6.513.378.723)	(3.501.804.002)	(32.226.399.798)	(2.182.190.883)	(867.817.632)	(45.291.591.038)
Giảm trong năm	(6.307.800.748)	(3.501.804.002)	(32.226.399.798)	(2.182.190.883)	(867.817.632)	(45.286.013.063)
Thanh lý, nhượng bán	(5.577.975)	-	-	-	-	(5.577.975)
Giảm khác	443.174.153.933	311.930.900.056	1.831.778.694.101	20.474.793.465	39.699.966.890	2.647.058.508.445
Số cuối năm	3.600.854.948	29.894.211.329	180.038.219.514	6.360.420.551	-	219.893.706.342
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Giá trị hao mòn	42.500.551.539	93.477.283.949	450.973.948.641	11.340.202.486	4.241.626.452	602.533.613.066
Số đầu năm	25.240.995.339	33.041.847.903	138.234.021.236	3.801.670.711	3.285.137.070	203.603.672.259
Tăng trong năm	-	-	141.569.361	10.331.359	-	151.900.720
Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cùng quốc tế Gemadept Nham Hoi	4.819.176.059	3.968.749.132	466.903.102	56.556.246	98.751.446	9.410.135.985
Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cùng Nam Hải	20.421.819.280	26.379.174.646	124.571.676.094	3.427.313.874	2.901.106.418	177.701.090.312
Khấu hao trong năm	-	2.688.142.090	(2.688.142.090)	-	-	-
Phân loại lại tài sản	-	5.782.035	15.727.775.952	307.469.232	285.279.206	16.326.306.425
Tăng do chênh lệch tỷ giá	-	-	14.238.817	-	-	14.238.817
Tăng khác	(3.038.345.770)	(1.118.633.263)	(27.880.470.378)	(2.081.837.789)	(189.835.108)	(34.309.122.308)
Giảm trong năm	(3.032.767.795)	(1.118.633.263)	(27.880.470.378)	(2.081.837.789)	(189.835.108)	(34.303.544.333)
Thanh lý, nhượng bán	(5.577.975)	-	-	-	-	(5.577.975)
Giảm khác	64.703.201.108	125.400.498.589	561.327.499.499	13.060.035.408	7.336.928.414	771.828.163.017
Số cuối năm	169.847.965.869	46.612.235.266	1.264.520.540.082	6.188.202.957	33.626.098.587	1.520.795.042.762
Giá trị còn lại	378.470.952.825	186.530.401.467	1.270.451.194.602	7.414.758.057	32.363.038.476	1.875.230.345.428
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-	-
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.591.614.445 VND và 1.341.633.464 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của các ngân hàng.

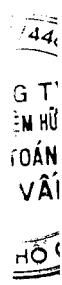


Nguyễn Minh Nguyệt
 Người lập báo cáo tài chính

Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

TP
 H NH
 CÔN
 TP

	Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội		Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Chi phí phát sinh trong năm		Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
	Số đầu năm							
Mua sắm TSCĐ	630.000.000	-	-	46.004.033.896	(32.327.835.485)	-	-	22.606.198.411
Mua phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	8.300.000.000	45.718.634.092	(32.042.435.681)	-	-	21.976.198.411
Mua máy móc	-	-	-	215.818.182	(215.818.182)	-	-	-
Mua thiết bị quản lý	-	-	-	69.581.622	(69.581.622)	-	-	-
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	-	-	-	-	630.000.000
KDCB dở dang	220.418.932.466	1.275.420.475	-	147.334.453.983	(314.170.122.512)	(515.079.721)	-	54.343.604.691
Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	20.404.054.061	-	-	342.601.884	-	-	-	20.746.655.945
Chi phí khảo sát thiết kế dự án Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	119.028.883	-	-	-	-	-	-	119.028.883
Chi phí thiết kế bãi chứa container Bãi Cháy	179.643.600	-	-	-	-	-	-	179.643.600
Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	-	-	-	-	2.694.479.091
Dự án Khu dịch vụ hậu cần Dung Quất	342.727.583	-	-	116.012.727	-	-	-	458.740.310
Dự án KCN công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	-	-	-	-	-	3.658.444.173
Chi phí tư vấn xây dựng, lắp bảo cáo đầu tư công trình cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	109.500.000	-	-	-	-	-	-	109.500.000
Khu dân cư Rạch Chiếc	19.491.750.000	-	-	-	-	-	-	19.491.750.000
Công trình thiết kế đóng tàu	200.000.000	-	-	13.648.121.395	(69.941.588.720)	-	-	-
Chi phí xây dựng cảng quốc tế Gemadept	56.293.467.325	-	-	6.091.428.572	(6.312.610.896)	-	-	-
Dự án nạo vét khu trước bến	221.182.324	-	-	13.958.454.502	(20.382.872.115)	-	-	-
Dự án bảo vệ - kè bờ	6.424.417.613	-	-	3.476.041.212	(17.995.363.498)	-	-	-
Dự án tôn tạo bãi - đường bãi trong cảng	14.519.322.286	-	-	-	(317.716.318)	-	-	-
Chi phí đền bù	317.716.318	-	-	-	(26.581.708.934)	-	-	-
Dự án cầu cảng - khoan cọc	26.581.708.934	-	-	61.600.000.000	(68.585.667.128)	-	-	-
Dự án gia cố ống vách - thi công cốt thép - bê tông cọc - mặt bên	6.985.667.128	-	-	33.017.637.255	(82.039.220.951)	-	-	-
Dự án mua thiết bị cảng	49.021.583.696	-	-	-	(1.648.244.139)	-	-	-
Dự án thiết kế công trình cảng	1.648.244.139	-	-	2.536.636.954	(3.909.593.128)	-	-	-
Dự án bến cấp tàu - bổ sung phao neo	1.372.956.174	-	-	-	-	-	-	-
								53



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

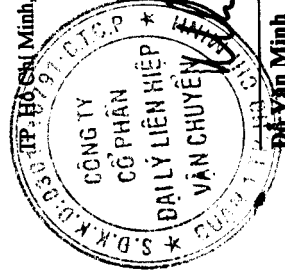
ÁO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 2: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Tăng do hợp nhất Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Ban quản lý dự án	405.606.010	-	-	-	(303.918.693)	-	101.687.317
Hệ thống điện	741.135.145	-	-	2.996.361.050	(3.737.496.195)	-	-
Hệ thống nước	974.636.439	-	-	1.280.372.545	(2.255.008.984)	-	-
Nhà văn phòng	1.620.834.739	-	-	3.081.163.045	(4.701.997.784)	-	-
Hệ thống thoát nước	1.290.394.545	-	-	1.053.792.728	(2.344.187.273)	-	-
Hệ thống hàng rào	1.120.339.091	-	-	-	(1.120.339.091)	-	-
Nhà điều độ cảng Dung Quất	-	-	-	1.519.270.336	(1.519.270.336)	-	-
Dự án cảng quốc tế Nhơn Hội	-	1.275.420.475	-	7.260.000	-	(466.666.521)	816.013.954
Xây dựng cảng PVC	2.639.636.104	-	-	13.760.000	-	-	2.653.396.104
Đường vào cảng PVC	362.303.684	-	-	-	-	-	362.303.684
Xây dựng máy biến thế	-	-	-	1.728.110.000	-	-	1.728.110.000
Dự án cầu tàu	-	-	-	410.583.630	-	-	410.583.630
Khác	678.153.381	-	-	456.846.148	(473.318.329)	(48.413.200)	613.268.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.461.178.819	-	-	3.068.839.263	(5.530.018.082)	-	-
Sửa chữa nhà văn phòng	2.461.178.819	-	-	3.068.839.263	(5.530.018.082)	-	-
Cộng	223.510.111.285	1.275.420.475	-	196.407.327.142	(352.027.976.079)	(515.079.721)	76.949.803.102

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2011



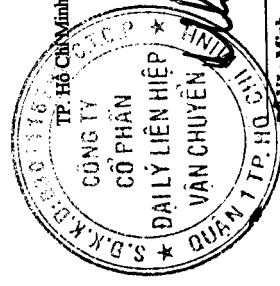
Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá bội đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Đầu năm trước	345.230.340.000	40.979.565.250	64.945.188.649	7.985.841.555	-	13.410.665.221	13.320.100.315	280.664.807.798	766.536.508.789
Đầu năm nay	129.769.660.000	1.325.927.897.150	6.852.587.253	-	-	-	-	323.085.833.277	1.462.550.144.403
Đầu năm trước	-	-	-	-	984.338.786	492.169.393	-	(3.850.510.467)	323.085.833.277
Đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	(71.250.000.000)	(2.374.002.288)
Đầu năm trước	-	-	-	-	-	-	(3.023.500.000)	-	(71.250.000.000)
Đầu năm nay	-	-	-	(3.271.656.112)	-	-	-	(4.996.465.195)	(3.023.500.000)
Đầu năm trước	-	-	-	-	-	-	-	3.369.534.152	(8.268.121.308)
Đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	3.369.534.152	(8.268.121.308)
Đầu năm trước	475.000.000.000	1.366.907.462.400	71.797.775.902	4.714.185.443	984.338.786	13.902.834.614	10.296.600.315	527.023.199.565	2.470.626.397.025
Đầu năm nay	475.000.000.000	1.366.907.462.400	71.797.775.902	4.714.185.443	984.338.786	13.902.834.614	10.296.600.315	527.023.199.565	2.470.626.397.025
Đầu năm trước	525.000.000.000	802.253.124.000	-	-	-	-	-	206.863.990.648	1.327.253.124.000
Đầu năm nay	-	-	-	-	15.039.035.196	10.354.491.642	16.070.850.575	(64.609.933.832)	206.863.990.648
Đầu năm trước	-	-	-	-	(984.338.786)	(492.169.393)	-	1.476.508.179	(23.145.556.419)
Đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	(11.200.000.000)	-
Đầu năm trước	-	-	-	17.820.761.573	-	-	-	(104.206.167)	(11.200.000.000)
Đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	17.716.555.406
Đầu năm trước	1.000.000.000.000	2.169.160.596.400	71.797.775.902	22.534.947.015	(10.527.324.637)	23.765.156.863	(4.763.338.453)	659.449.558.394	(15.290.663.090)
Đầu năm nay	1.000.000.000.000	2.169.160.596.400	71.797.775.902	22.534.947.015	4.511.710.559	23.765.156.863	21.604.112.437	659.449.558.394	3.972.823.847.570

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2011



Nguyễn Minh Nguyệt
 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

Trương Như Nguyễn
 Trương Như Nguyễn
 Người lập biên

